

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 384/2025/HC-PT

Ngày 10/06/2025

*V/v “Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Ong Thân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 13/2025/TBTL-HC ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 110/2024/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5557/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1961 bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Đào T và luật sư Nguyễn Thị Như Q1 - Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư thành phố H; đều có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội; địa chỉ: số C đường N, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Huy T1 - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Ban phục vụ tang lễ thành phố H; địa chỉ: số A phố T, phường M, quận C, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện người khởi kiện ông Nguyễn Đình Q và bà Phạm Thị Thu H trình bày:***

Về Dự án xây dựng tuyến đường nối từ Cầu H đến khu đô thị M, gia đình ông bà bị thu hồi 15,1m² trong số đất hiện trạng 60m² gia đình đang sử dụng tại thửa đất số 1-4 tờ bản đồ số 10TC tại thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Thửa đất gia đình ông đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đức M. Ông M quản lý sử dụng 413m² từ trước ngày 15/10/1993, ngày 20/02/1992, ông M đã kê khai tờ khai nộp thuế đất đối với 413m² tại Khu tập thể nghĩa trang V, tờ khai có xác nhận của Chi cục thuế huyện T ngày 23/4/1993. Từ năm 1993 đến năm 2007, ông M nộp thuế sử dụng đất.

Đến năm 2010, ông M chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà 60,2m² đất nằm trong 413m² của ông M, bà T2 sử dụng.

Ngày 23/11/2020, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T ban hành Quyết định số 8537/QĐ-UBND về việc thu hồi 15,1m² đất gia đình ông đang sử dụng để thực hiện Dự án. Cùng ngày, UBND huyện T ban hành Quyết định số 8576/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư. Theo đó, gia đình ông bà được bồi thường 15,1m² theo giá đất nông nghiệp 162.000đ/m²; bồi thường về tài sản trên đất một nhà tạm không có khu phụ với tỉ lệ 80 % đơn giá xây dựng. Ngoài ra được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần bồi thường đất. Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ gia đình ông bà được nhận là 31.703.000 đồng.

Không đồng ý với việc phương án bồi thường, ông đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 18/6/2021, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại có nội dung không chấp nhận khiếu nại của vợ chồng ông, giữ nguyên Quyết định số 8576/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ.

Không đồng ý với giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T. Ngày 11/10/2021, ông bà gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy:

- Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại.

- Quyết định số 8576/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án BTHT và tái định cư.

- Buộc UBND huyện T phải xem xét lại nguồn gốc đất từ đó tính lại phương án bồi thường.

*** Ý kiến của Chủ tịch và UBND huyện T, thành phố Hà Nội:**

Dự án xây dựng tuyến đường N đi khu đô thị M tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội được UBND huyện T phê duyệt đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 4247/QĐ-UBND ngày 30/10/2019.

Ngày 03/8/2020, UBND huyện T ban hành Thông báo số 249/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 13/3/2020 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1049/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện T.

Ngày 31/7/2020, UBND huyện T ban hành Kế hoạch sử dụng đất số 203/HK-UBND về thu hồi đất, điều tra khảo sát đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án.

Ngày 23/11/2020, UBND huyện T ban hành Quyết định số 8537/QĐ-UBND về việc thu hồi 15,1m² đất do gia đình ông Nguyễn Đình Q đang sử dụng tại thôn H, xã T, huyện T để thực hiện dự án.

Về chính sách bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND thành phố H về bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về giá đất: Đất nông nghiệp đơn giá 162.000 đ/m² (áp dụng đối với xã ven đô).

Về tài sản: Nhà ở xây dựng trên đất nông nghiệp năm 1992 nên được hỗ trợ bằng 80% theo đơn giá tại Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Ngày 14/5/2021, Tổ xác minh khiếu nại đã làm việc với ông Nguyễn Đình Q và bà Phạm Thị Thu H. Ông Q và bà H khiếu nại đề nghị được bồi thường 100% về đất; đề nghị được bồi thường về tài sản trên đất nhưng không cung cấp hồ sơ giấy tờ liên quan đến nội dung khiếu nại.

Ngày 18/6/2021, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại có nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Đình Q và bà Phạm Thị Thu H, giữ nguyên Quyết định số 8576/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà H.

*** Ý kiến của UBND xã T:**

Hệ bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTG đo đạc năm 1992. Diện tích gia đình ông Nguyễn Đình Q và bà Phạm Thị Thu H sử dụng thuộc một phần thửa đất số 886, tờ bản đồ số 6, diện tích 531m².

Theo hệ bản đồ đo đạc năm 1994; tương ứng là một phần thửa đất số 210 tờ bản đồ số 10, diện tích 483m².

Theo Giấy xác nhận ngày 12/10/2020 của UBND xã T về việc sử dụng đất: Là đất nông nghiệp do UBND xã quản lý, hiện trạng sử dụng 60,2m², thu hồi 15,1m² tại thửa đất số 210 tờ bản đồ số 10, diện tích còn lại 45,1m². Năm 1979 UBND xã cho Ban V mượn để xây dựng nhà cho cán bộ công nhân ở. Năm 1979 Ban quản lý đã cho hộ ông Nguyễn Đức M và bà Đào Thị N mỗi hộ được sử dụng một gian nhà với diện tích 50m². Ngày 27/8/1983 bà Đào Thị N đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho bà Nguyễn Thị T2 (vợ ông M). Trong quá trình sử dụng năm 1994 ông M tự lấn chiếm thêm diện tích 235,2m² đất chưa sử dụng của UBND xã T quản lý để xây dựng nhà. Ngày 10/4/2010 ông M chuyển nhượng 60m² đất cho ông Nguyễn Đình Q. Ông Q sử dụng và đăng ký diện tích 60m² trong đó có 18m² được phân nhà năm 1979, 42,2m² lấn chiếm năm 1994

Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và thời điểm xây dựng công trình của các hộ gia đình đang sử dụng đất tại khu tập thể N, xã T, huyện T ngày 09/6/2017.

Giấy xác nhận đăng ký đất đai cho ông Nguyễn Đình Q bà Phạm Thị Thu H đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T xác nhận ngày 21/8/2017. Tại hồ sơ đăng ký đất đai kê khai nhằm số thửa là 1-4 thực tế là thửa đất số 210.

Ngày 30/11/1993, UBND xã T thu 15.000 đồng lệ phí cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đức M (người bán đất cho ông Nguyễn Đình Q); Trong quá trình sử dụng từ năm 1994 đến năm 2003, ông M tự lấn chiếm thêm diện tích 235,2m² đất chưa sử dụng của UBND xã T quản lý để xây dựng nhà. Hiện nay ông M chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Gia đình ông Q không ở trên địa bàn xã T tại thời điểm GPMB.

*** Ý kiến của Ban phục vụ lễ tang Hà Nội:**

Hiện nay trên địa bàn xã T, Ban phục vụ lễ tang Hà Nội chỉ quản lý và sử dụng đất của Nghĩa trang V theo đúng ranh giới tường rào hiện trạng. Mục đích để phục vụ hỏa táng, lưu tro cốt phục vụ nhân dân và chỉnh trang cảnh quan theo hướng công viên nghĩa trang. Ngoài ra, Nghĩa trang V không có phần đất nào trong phạm vi xã T thuộc quyền quản lý của Ban phục vụ lễ tang Hà Nội.

Đối với nguồn gốc đất của ông Nguyễn Đình Q bà Phạm Thị Thu H trên địa bàn xã T, do thời gian đã lâu không tìm được hồ sơ liên quan đến thửa đất gia đình.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 110/2024/HC-ST ngày 24/5/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm

2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Q và bà Phạm Thị Thu H, yêu cầu hủy:

- Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại.
- Quyết định số 8576/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND huyện T, thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.
- Bác các yêu cầu khác của ông Q, bà H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2024 người khởi kiện ông Nguyễn Đình Q và bà Phạm Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Nguyễn Đình Q và bà Phạm Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ không đầy đủ khách quan, nguồn gốc đất ông Q, bà H sử dụng không phải là đất nông nghiệp do UBND xã T quản lý và cần phải xác định lại mức bồi thường để áp dụng với loại đất ở cho phần đất bị thu hồi của gia đình ông Q. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Q, bà H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình Q và bà Phạm Thị Thu H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, UBND và Chủ tịch UBND huyện T có đơn xin xét xử vắng mặt; UBND xã T, Ban phục vụ tang lễ thành phố Hà Nội đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 157, Điều 158; Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8537/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND huyện T về việc về việc thu hồi đất; Quyết định số 8576/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án BTHT và tái định cư; Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại, thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Dự án xây dựng tuyến đường N đi khu đô thị M tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội được UBND thành phố H phê duyệt kế hoạch sử dụng đất tại Quyết định số 1049/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện T; UBND huyện T phê duyệt đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 4247/QĐ-UBND ngày 30/10/2019. Do đó, Dự án thuộc trường hợp “thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng” theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Luật Giải quyết khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Ngày 03/8/2020, UBND huyện T ban hành Thông báo số 249/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án; Biên bản số 96/BB-CT ngày 26/10/2016 về điều tra, kiểm đếm của tổ công tác; Giấy xác nhận ngày 12/10/2020 của UBND xã T về nguồn gốc đất, nhân hộ khẩu; Biên bản điều tra khảo sát, đo đạc ngày 17/8/2020 của HĐBT; Nghị định số 43 số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H quy định về Bảng giá đất thì UBND huyện T ban hành Quyết định số 8537/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 và Quyết định số 8576/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án BTHT và tái định cư; Báo cáo số 47/BC-TTPQĐ ngày

16/6/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T; Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 về giải quyết khiếu nại. Do đó, UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T đã hành các Quyết định nêu trên là có căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật.

[2.1] Về chính sách bồi thường hỗ trợ:

Nguồn gốc đất: Theo Giấy xác nhận đăng ký đất đai ngày 21/8/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện T; Giấy xác nhận ngày 12/10/2020 của UBND xã T về việc sử dụng đất: là đất nông nghiệp do UBND xã quản lý, hiện trạng sử dụng 60,2m², thu hồi 15,1m² tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 10, diện tích còn lại 45,1m². Căn cứ vào bản đồ địa chính, sổ mục kê các thời kỳ, diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp do UBND xã T quản lý. Năm 1969, UBND xã cho Ban V mượn để xây dựng nhà cho cán bộ công nhân ở trong quá trình sơ tán. Năm 1979, Ban V đã cho hộ ông Nguyễn Đức M và bà Đào Thị N mỗi hộ được sử dụng một gian nhà với diện tích 50m². Ngày 27/8/1983 bà Đào Thị N đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho bà Nguyễn Thị T3 (vợ ông M). Quá trình sử dụng, năm 1994 ông M tự lấn chiếm thêm diện tích 22m² đất chưa sử dụng của khu tập thể để xây dựng nhà. Ngày 10/4/2010 ông M chuyển nhượng 60m² cho ông Nguyễn Đình Q (chỉ có giấy tờ viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương). Ông Q sử dụng và đăng ký diện tích 60m² trong đó có 18m² được phân nhà năm 1979, 42,2m² lấn chiếm năm 1994. Tại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất ngày 21/3/1991 của Nghĩa trang V và Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và quản lý đất đai, xác định được diện tích hộ ông Q, bà H đang quản lý sử dụng nằm trong diện tích đất nông nghiệp của UBND xã T cho Nghĩa trang V1 mượn từ năm 1979 gồm diện tích 540m² có 06 hộ đang ở và 280m² khu bờ sông để làm khu tập thể cho cán bộ công nhân viên của cơ quan sơ tán. Phiếu nhận tiền ngày 27/11/1980 theo Phiếu thu tiền số 151 thể hiện Ban quản lý nghĩa trang thu của bà Đào Thị N 300.000 đồng là tiền thu 01 gian nhà nơi sơ tán, không thể hiện về đất. Đến nay, Ban tang lễ thành phố Hà Nội chưa làm thủ tục trả lại diện tích đã mượn trên cho UBND xã T. Ban tang lễ thành phố H chưa bao giờ làm chuyển đổi mục đích sử dụng với khu đất trên.

Như vậy, diện tích 60,2m² mà ông Q, bà H nhận chuyển nhượng từ ông M theo Giấy chuyển nhượng nhà và đất ở viết tay ngày 10/4/2010 có nguồn gốc là đất nông nghiệp của UBND xã T cho Nghĩa trang V mượn chưa trả lại, không phải là đất ở. Do đó, UBND huyện T ban hành Quyết định số 8576/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích thu hồi 15,1m² theo đơn giá đất nông nghiệp 162.000đ/m² và bồi thường 80% giá trị tài sản trên đất là đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 47 ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Như phân tích ở trên, việc UBND huyện T ban hành Quyết định số 8576/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái

định cư là đúng pháp luật nên Quyết định giải quyết khiếu nại số 1801/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện T không chấp nhận khiếu nại của vợ chồng ông Q, bà H cần giữ nguyên.

Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Q, bà H.

[2.3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.4] Về án phí: Ông Nguyễn Đình Q là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm. Bà Phạm Thị Thu H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đình Q và bà Phạm Thị Thu H.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 110/2024/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Đình Q.

Bà Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0023888 ngày 30/9/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Cục THA DS Tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà